

Ngày 31/03/2024	75,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.0%	10.9%	8.5%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	63,483 - 77,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,329
Số lượng CPLH (CP)	17,574,516
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,110
Sở hữu nước ngoài	6.9%
Beta	0.25
EPS	12,778
P/E	5.9

DT thuần
Q1/24

351

tỷ VNĐ

QoQ: ▼430| -55.1%

YoY: ▲ 35.0| 10.9%

LN trước thuế
Q1/24

46.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼81.0| -63.8%

YoY: ▲ 3.30| 7.8%

LN sau thuế
Q1/24

36.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼72.7| -66.7%

YoY: ▲ 0.90| 2.7%

ROA
2023

10.5%

+/- YoY: ▼ 0.6%

DT thuần
2023

2,035

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 146| 7.8%

LN trước thuế
2023

267

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.00| 0.3%

LN sau thuế
2023

230

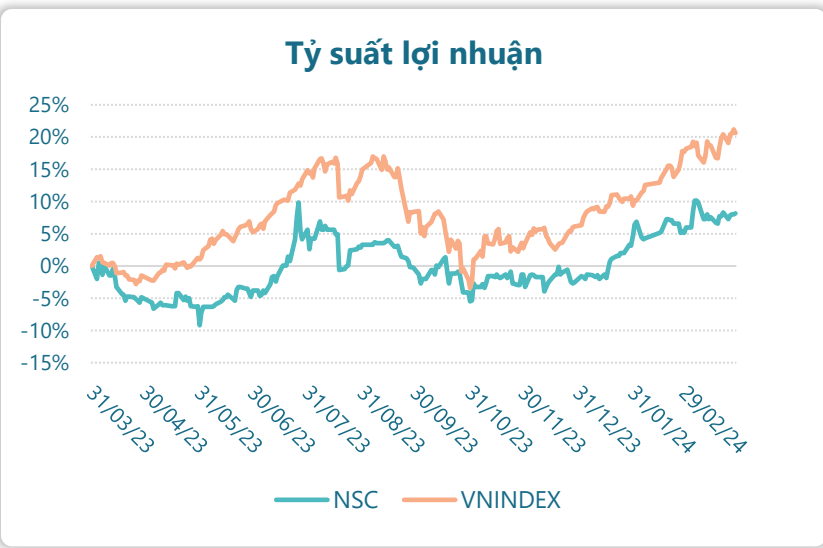
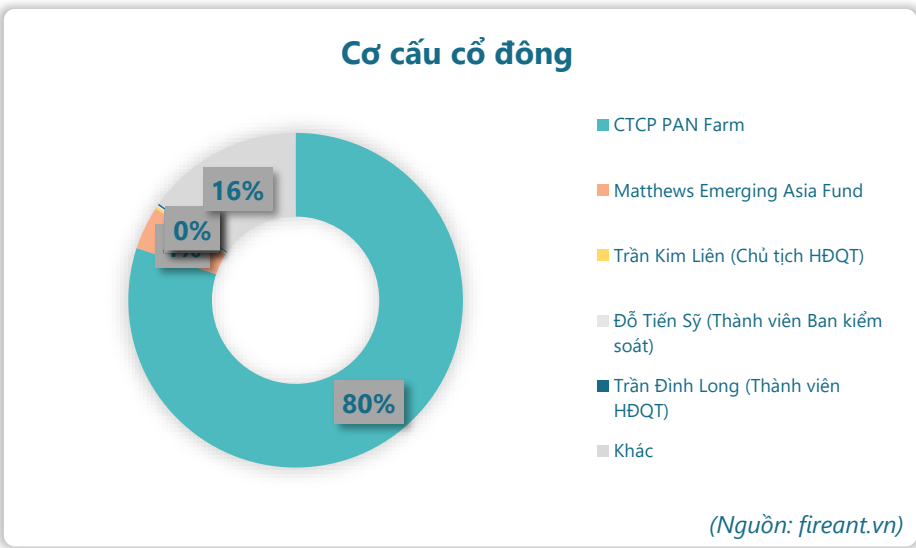
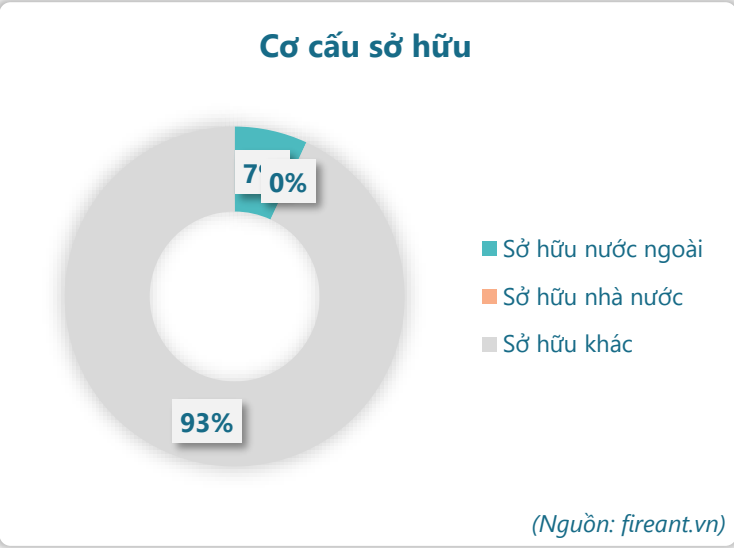
tỷ VNĐ

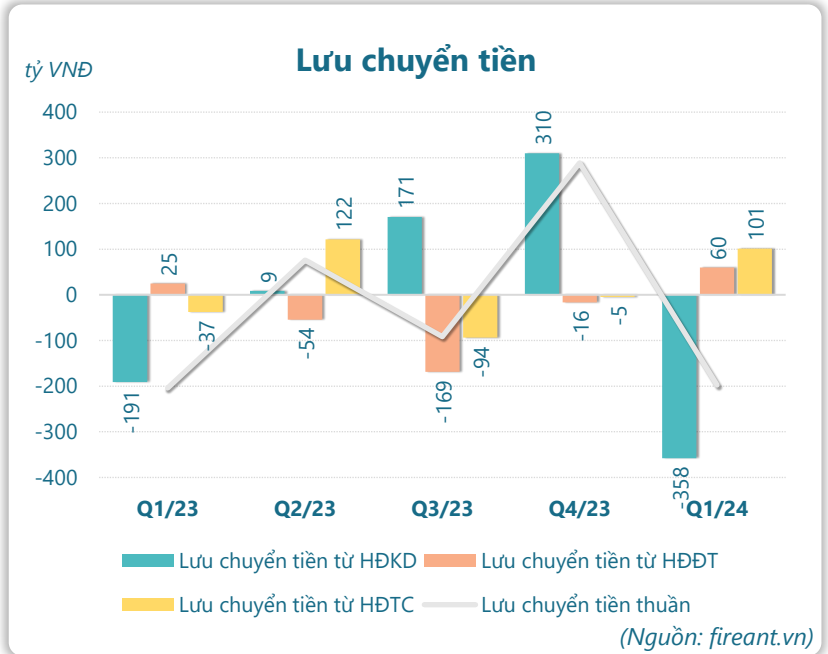
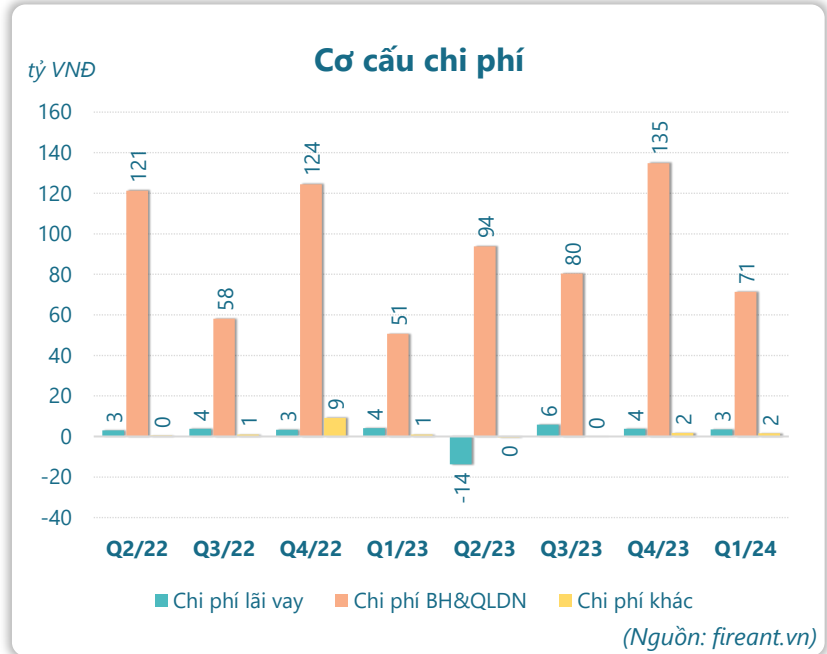
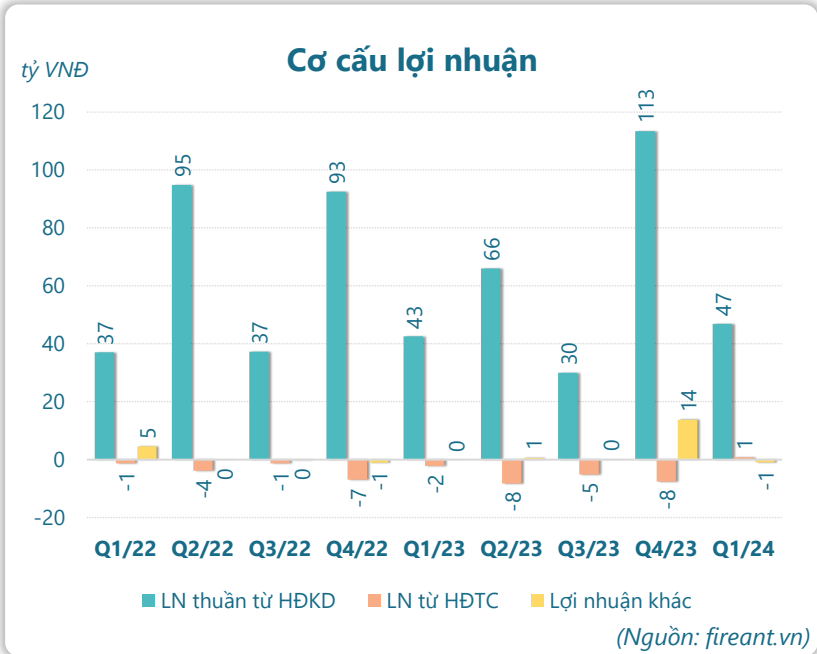
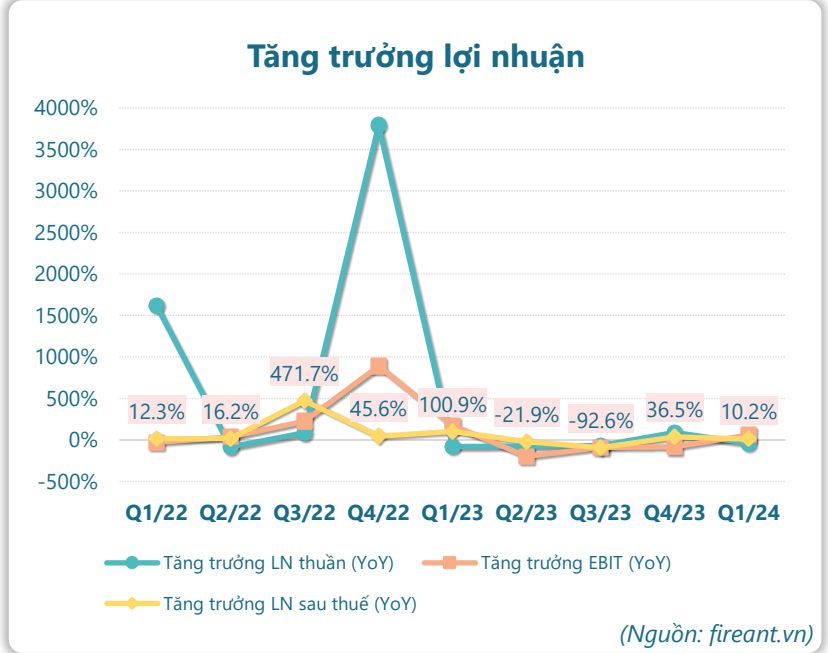
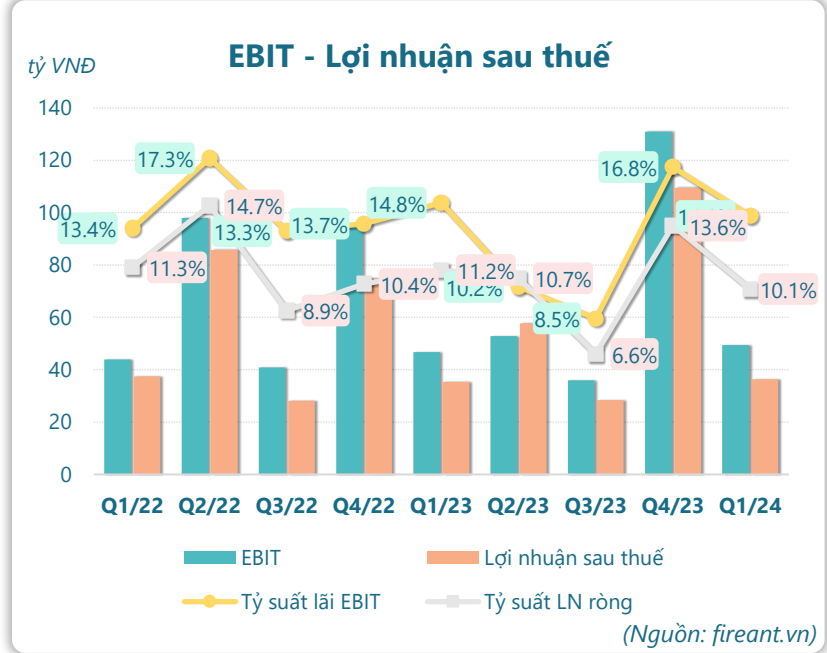
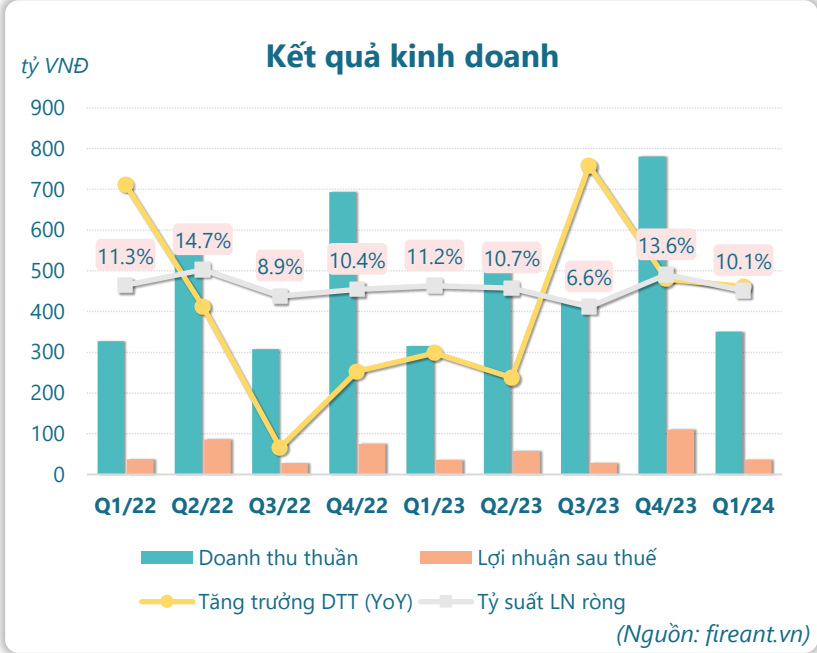
YoY: ▲ 3.00| 1.4%

ROE
2023

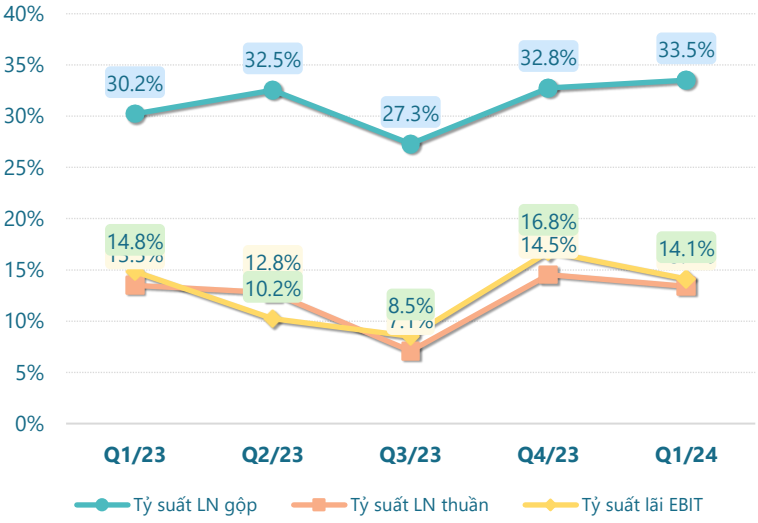
16.0%

+/- YoY: ▼ 0.6%



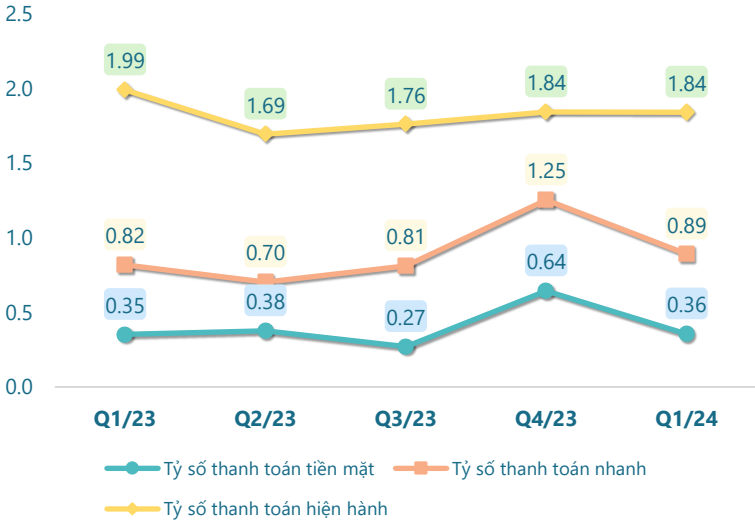


Tỷ suất lợi nhuận



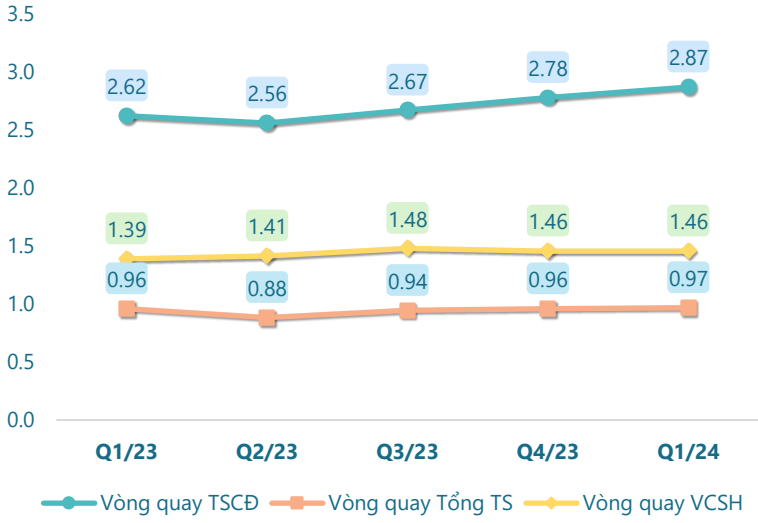
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



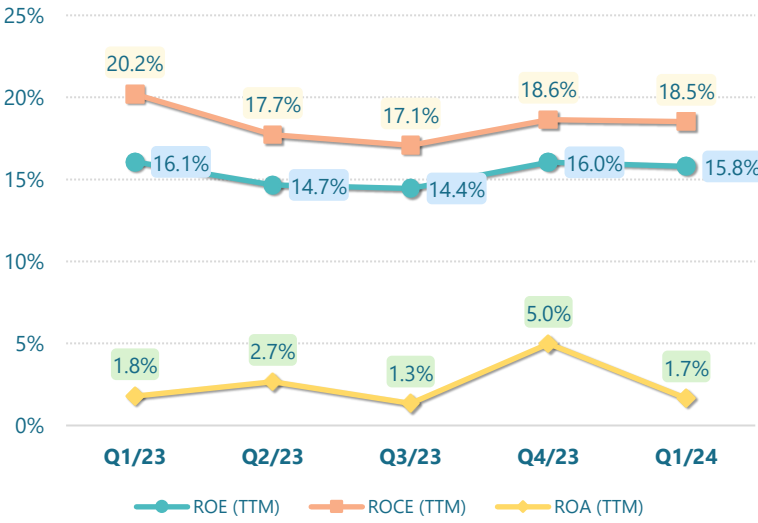
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



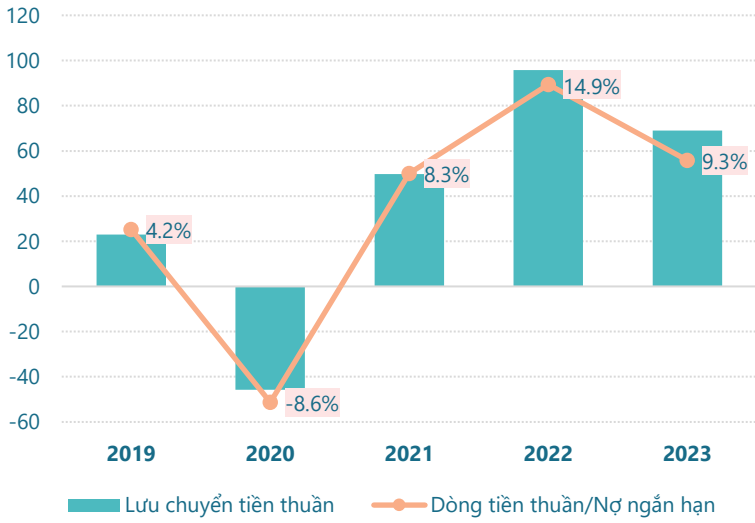
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



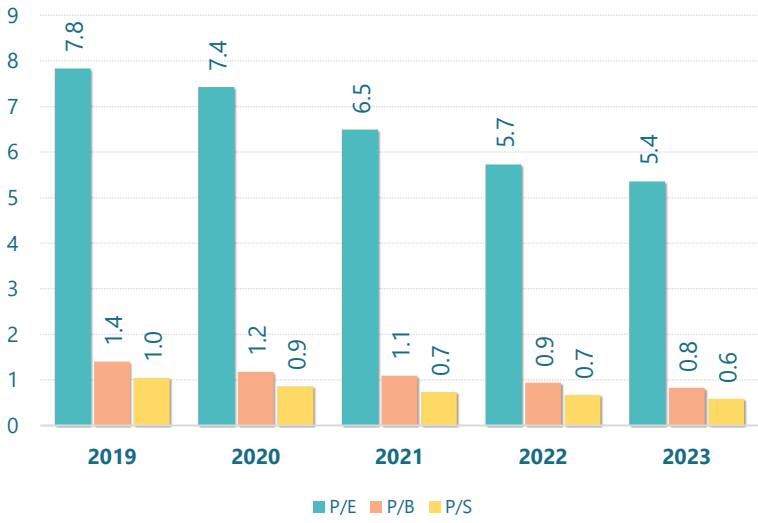
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)